

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang.
2. Bà Nguyễn Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1994. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp L 1, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.
2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn A, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L 1, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Tài L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân, sau khi tổ chức lễ cưới đến ngày 25/3/2013 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh A thường xuyên rượu chè, bỏ bê vợ con, không quan tâm gia đình. Mỗi khi có rượu đều về nhà kiếm chuyện chửi, đánh chị, khoảng 03 tháng trước khi gửi đơn xin ly hôn thì mâu thuẫn càng gay gắt do anh A uống rượu và đánh đập chị nhiều hơn. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh Trần Văn A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tài L và anh Trần Văn A có 01 người con tên Trần Văn T (Giới tính: Nam), sinh ngày 13/10/2013, hiện đang sống với anh A. Khi ly hôn chị đồng ý để anh A được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tài L khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Văn A nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tài L được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn A. Về con chung ghi nhận tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tài L giao cháu Trần Văn T cho anh A nuôi dưỡng; anh A chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Thị Tài L khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho anh A.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị Tài L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định được chị Nguyễn Thị Tài L và anh Trần Văn A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 25/3/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tài L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc và có con chung nhưng thời gian gần đây chị L và anh A phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, chị L cho rằng anh A nhiều lần uống rượu về đánh đập chị. Tại phiên tòa chị L cương

quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn A. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị L và anh A là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Nguyễn Thị Tài L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn A là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tài L và anh Trần Văn A có 01 con chung, tên Trần Văn T (Giới tính: Nam), sinh ngày 13/10/2013, hiện đang sống chung với anh A. Khi ly hôn chị L tự nguyện giao con chung cho anh A được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị L và anh A ly thân cho đến nay anh A là người trực tiếp chăm sóc cho cháu Thật. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai cháu Trần Văn T cũng thể hiện cháu có nguyện vọng được sống chung với anh A. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Trần Văn T, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Văn T cho anh Trần Văn A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Văn A vắng mặt và không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tách yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh A thành vụ kiện khác.

Chị Nguyễn Thị Tài L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn A vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết; nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Tài L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tài L. Cho chị Nguyễn Thị Tài L được ly hôn với anh Trần Văn A.

2. Về con chung: Anh Trần Văn A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Văn T (Giới tính: Nam), sinh ngày 13/10/2013.

Chị Nguyễn Thị Tài L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh A cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tách yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh A thành vụ kiện khác khi anh A có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Tài L và anh Trần Văn A thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tài L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005072, ngày 27 tháng 10 năm 2020 chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu

Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Trần Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã T, thị xã L;
- Lưu.

Trần Ngọc Niềm